

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT



BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2017
VÀ TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018

HÀ NỘI, THÁNG 4/2018

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ NĂM 2017	4
I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CÔNG TÁC KH&CN	4
1.1. Thuận lợi	4
1.2. Khó khăn	4
II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	5
2.1. Kết quả hoạt động đề tài NCKH các cấp	5
2.1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước	12
2.1.1.1. Đề tài KHCN cấp Quốc gia thuộc chương trình biến đổi khí hậu	12
2.1.1.2. Đề tài NCCB định hướng ứng dụng	12
2.1.1.3. Thực hiện nhiệm vụ HTNC theo Nghị định thư với nước ngoài	12
2.1.1.4. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên	13
2.1.1.5. Đề tài thuộc các chương trình trọng điểm Nhà nước do Bộ Công thương quản lý	13
2.1.2. Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	13
2.1.3. Nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương	14
2.1.4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	14
2.1.5. Đánh giá chung	15
2.2. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng và triển khai công nghệ	15
2.2.1. Các đề tài/hợp đồng ký về trường	15
2.2.2. Hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO	17
2.2.3. Đánh giá chung	19
2.3. Các hoạt động khoa học và công nghệ khác	19
2.3.1. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ	19
2.3.2. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên và thi Olympic	20
2.3.2.1. Nghiên cứu khoa học sinh viên	20
2.3.2.2. Thi Olympic	20
2.3.2.3. Đánh giá chung	21
2.4. Hoạt động thông tin khoa học	21
2.4.1. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất	21
2.4.2. Các hội nghị, hội thảo khoa học	22
2.4.3. Các kết quả công bố khoa học	23
2.4.4. Về tài liệu hội thảo khoa học	25
2.4.5. Về Tuyển tập Công trình khoa học sinh viên	25
2.5. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ	25
2.6. Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ	25
III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2017	26
3.1. Những kết quả đạt được	26

3.2. Một số tồn tại, hạn chế	27
PHẦN THỨ HAI: KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2018	29
I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018	29
II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018.....	30

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2017, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII về Khoa học và Công nghệ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường lần thứ XIX và Chương trình phát triển Khoa học và Công nghệ của Nhà trường, hoạt động khoa học và công nghệ (KHCN) của Trường Đại học Mở - Địa chất đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

Phát huy tiềm năng, thế mạnh và truyền thống nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ và giảng viên trong trường, trong năm qua chúng ta đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ NCKH và chuyển giao công nghệ và kế hoạch KHCN năm 2017 của Nhà trường.

Hôm nay, Nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động KHCN nhằm đánh giá kết quả hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ đã đạt được trong năm 2017; rút ra các bài học kinh nghiệm và khắc phục những tồn tại trong hoạt động KHCN của Trường, trên cơ sở đó đặt ra mục tiêu và phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ KHCN cho năm 2018.

Báo cáo tổng kết hoạt động KHCN năm 2017 và triển khai hoạt động KHCN năm 2018 gồm 2 phần chính:

1. Kết quả hoạt động KHCN năm 2017;
2. Kế hoạch triển khai hoạt động KHCN năm 2018.

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ NĂM 2017

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CÔNG TÁC KH&CN

Hoạt động Khoa học và Công nghệ năm 2017 của Trường có những thuận lợi, khó khăn cơ bản như sau:

1.1. Thuận lợi

- Công tác Khoa học và Công nghệ luôn được Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường chỉ đạo kịp thời, quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện, giúp cho công tác này luôn là điểm sáng trong các hoạt động của nhà trường.

- Đội ngũ khoa học nhà trường có số lượng ngày càng tăng về cả số lượng và chất lượng. Tính đến thời điểm 02/2018 Trường Đại học Mở-Địa chất có 654 giảng viên, trong đó 02 GS.TS, 52 PGS.TS, 171 TS, 380 ThS và 49 KS/CN. Số giảng viên có trình độ tiến sỹ trở lên là 225 người (chiếm 34,4% tổng số cán bộ giảng dạy), trong đó có nhiều tiến sỹ được đào tạo bài bản từ các nước có nền khoa học tiên tiến.

- Trường có 08 trung tâm nghiên cứu hoạt động trong các lĩnh vực Khoa học Trái đất và Mỏ và 01 công ty (Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng Mỏ - Địa chất - CODECO) hoạt động theo loại hình doanh nghiệp khoa học công nghệ.

- Nhà trường có 07 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu và 01 Trung tâm Phân tích và Thí nghiệm công nghệ cao. Ngoài ra, các khoa và bộ môn chuyên môn còn quản lý và vận hành các phòng thí nghiệm phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động KHCN năm 2017 là 9.409 triệu đồng dành cho các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, cấp Bộ; Kinh phí từ nguồn thu của Trường dành cho các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở (đề tài NCKH cấp cơ sở, đề tài NCKH sinh viên, tổ chức kì thi Olympic các cấp và một số hoạt động KHCN khác) là 2.151 triệu đồng.

1.2. Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi nêu trên, trong năm qua nhà trường gặp không ít khó khăn, thách thức trong hoạt động KHCN, đòi hỏi mỗi nhà khoa học, nhà quản lý phải phấn đấu nỗ lực, đó là:

- Cơ chế chính sách của nhà nước trong đầu thầu, cạnh tranh các đề tài KHCN cấp quốc gia, cấp bộ có sự thay đổi, trong hồ sơ cần phải có vốn đối ứng cũng như đơn vị hỗ trợ và chuyển giao sản phẩm.

- Yêu cầu đối với đề tài khoa học ngày càng cao trong khi đội ngũ các nhà khoa học trong trường còn chưa kịp thích ứng nên số lượng đề tài NCKH các cấp chưa tương xứng với đội ngũ cán bộ khoa học của nhà trường. Một số cán bộ khoa học không có công trình nghiên cứu khoa học, nên không đủ giờ khoa học theo quy định.

- Kinh phí đầu tư cho đề tài KHCN của Bộ Giáo dục và Đào tạo khó khăn.
- Vai trò quản lý của các bộ môn, các khoa có đề tài NCKH còn chưa rõ nét, vẫn còn có hiện tượng buông lỏng quản lý đề tài. Hoạt động KHCN vẫn tập trung chủ yếu một số khoa có thế mạnh từ trước, một số khoa hoạt động khoa học còn mờ nhạt.
- Một số cán bộ, khi được giao chủ trì đề tài, nhiệm vụ NCKH trong công tác tổ chức triển khai còn nhiều lúng túng, chậm trễ, dẫn đến các đề tài thực hiện không đúng tiến độ, quá hạn, tồn đọng.
- Một số cán bộ còn hạn chế về năng lực nghiên cứu, kỹ năng viết công trình khoa học công bố trên các tạp chí (đặc biệt là các tạp chí quốc tế), xây dựng thuyết minh nhiệm vụ chưa đáp ứng được yêu cầu.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Phát huy kết quả đã đạt được của năm 2016 và bám sát kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2015-2020, trong năm 2017 Trường Đại học Mở - Địa chất đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN và đã đạt được các kết quả cụ thể sau đây:

2.1. Kết quả hoạt động đề tài NCKH các cấp (xem Bảng 1, Bảng 2 và Bảng 3):

Bảng 1. Đối sánh số lượng đề tài các cấp và kinh phí thực hiện trong năm 2017 so với năm 2016

TT	Loại đề tài	Năm 2016		Năm 2017		Tỉ lệ tăng/giảm (%)	
		Số lượng đề tài	Kinh phí thực hiện (trđ)	Số đề tài	Kinh phí thực hiện (trđ)	Số đề tài	kinh phí
1	Đề tài cấp Nhà nước (đề tài thuộc chương trình, đề tài Quỹ Nafosted tài trợ)	17	4.209	18	3.479(*)	5,88	-17,34
2	Đề tài KHCN cấp Bộ	35	7.002	33	5430	-5,71	-22,45
3	Đề tài NCKH cấp cơ sở	31	1.062	49	1145	58,06	7,82

(*): Không bao gồm kinh phí 02 đề tài KHCN thuộc chương trình biến đổi khí hậu giao về trung tâm chủ trì.

Bảng 2. Danh mục đề tài, nhiệm vụ NCKH các cấp thực hiện năm 2017 (đến ngày 15/3/2018)

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Nhà nước	Bộ	Trường	
I	Khoa Công nghệ thông tin 06 nhiệm vụ (01 đề tài cấp Nhà nước + 02 đề tài cấp Bộ+ 03 đề tài cấp cơ sở)						
1	Trương Xuân Luận	Tin học Địa chất	2012-12/2017	NCCB-ĐHƯD.2012-G/01			Đã nghiệm thu cơ sở
2	Lê Văn Hưng	Công nghệ phần mềm	2012-10/2017		B2012-02-02SP		Đã nghiệm thu cơ sở
3	Nguyễn Tuấn Anh	Tin học Trắc địa	2015-12/2017		B2015-02-26		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
4	Nguyễn T. Phương Bắc	Tin học Mỏ	1/2017-12/2017			T17-01	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
5	Phạm Văn Đồng	Công nghệ phần mềm	11/2017-10/2018			T17-40	Đang thực hiện
6	Tạ Quang Chiêu	Tin học cơ bản	11/2017-10/2018			T17-41	Đang thực hiện
II	Khoa Cơ điện 06 nhiệm vụ (01 nhiệm vụ cấp Bộ + 05 đề tài/nhiệm vụ cấp cơ sở)						
7	Đinh Văn Thắng	Kỹ thuật điện- Điện tử	2015-2017		B2015-02-33NV		Đã có QĐ NT cấp cơ sở
8	Nguyễn Văn Xô	Máy và thiết bị mỏ	1/2017-12/2017			T17-02	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
9	Nguyễn Chí Tình	Tự động hóa	1/2017-12/2017			T17-03	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
10	Nguyễn Thế Lực	Tự động hóa	1/2017-12/2017			T17-27	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
11	Nguyễn Thạc Khánh	Kỹ thuật điện- Điện tử	1/2017-12/2017			T17-28	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
12	Nguyễn Duy Chính	Kỹ thuật cơ khí	11/2017-10/2018			T17-42	Đang thực hiện
III	Khoa Dầu khí 14 nhiệm vụ (04 đề tài cấp Nhà nước +09 đề tài cấp Bộ + 01 đề tài cấp cơ sở)						
13	Tổng T. Thanh Hương	Lọc - Hóa dầu	1/2016-12/2017		B2016-MDA-02ĐT		Đang thực hiện (xin gia hạn 6/2018)
14	Nguyễn Anh Dũng	Lọc - Hóa dầu	2015-2017	DA.16/08			Quá hạn
15			1/2015-12/2017		B2015-02-25		Quá hạn
16	Phạm Xuân Núi	Lọc - Hóa dầu	3/2015-3/2017	105.09-2015.21			Đang thực hiện
17	Bùi Thị Lệ Thủy	Lọc - Hóa dầu	4/2017-4/2020	104.01.2016.57			Đang thực hiện
18	Vũ Văn Toàn	Lọc - Hóa dầu	12/2017-12/2019	104.05.2017.38			Đang thực hiện
19	Phạm Văn Tuấn	Địa chất dầu	2010-2014		B2010-02-90		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
20	Lê Hải An	Địa vật lý	2014-2017		B2014-02-19		Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
21	Nguyễn Thế Vinh	Khoan Khai thác	2014-2016		B2014-02-20		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Nhà nước	Bộ	Trường	
22	Nguyễn Thị Linh	Lọc - Hóa dầu	1/2016-12/2017		B2016-MDA-01ĐT		Đang thực hiện (xin gia hạn 6/2018)
23	Ngô Thanh Hải	Lọc - Hóa dầu	1/2016-12/2017		B2016-MDA-03ĐT		Không báo cáo kết quả thực hiện
24	Lê Ngọc Ánh	Địa chất dầu	1/2017-12/2018		B2017-MDA-13ĐT		Đang thực hiện
25	Nguyễn Văn Thịnh	TB Dầu khí	7/2017-12/2018		RD124-17 (Bộ XD)		Đang thực hiện
26	Phan Thị Hồng	Địa vật lý	1/2017-12/2017			T17-04	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
IV	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất 16 nhiệm vụ (06 đề tài cấp Nhà nước +08 đề tài cấp Bộ+02 đề tài cấp cơ sở)						
27	Trần Thanh Hải	Địa chất	12/2016-2019	BĐKH.13/16-20			Đang thực hiện (Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất chủ trì)
28	Ngô Xuân Thành	Địa chất	2011-2015	105.01.2011.14			Đã nghiệm thu
29					B2016-MDA-06ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
30	Trần Mỹ Dũng	Địa chất	2012-2016	105.01.2012.06			Đã nghiệm thu
31	Hoàng Văn Long	Địa chất biển	2011-2016	105.01.2011.18			Đang tổng kết (đã quá hạn)
32			2015-2017		B2015-02-24		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
33	Nguyễn Văn Lâm	Địa chất thủy văn	3/2015-3/2019	105.99.2014.19			Đang thực hiện
34	Phạm Thị Vân Anh	Khoáng thạch và ĐH	1/2013-12/2015		B2013-02-13		Đã nghiệm thu, xếp loại Đạt
35	Nguyễn Quang Luật	Khoáng sản	1/2014-12/2016		B2014-02-33NV		Đã xin phép Bộ dừng thực hiện, hoàn trả kinh phí
36	Lê Thị Thu	Khoáng sản	1/2016-12/2017		B2016-MDA-05ĐT		Đang thực hiện, xin gia hạn đến 6/2018
37	Bùi Hoàng Bắc	Tìm kiếm thăm dò	12/2011-2016	105.03.2011.11			Đã nghiệm thu
38			1/2017-12/2018		B2017-MDA-17ĐT		Đang thực hiện
39	Nguyễn Khắc Giảng	Khoáng thạch và ĐH	1/2016- 6/2018		B2016-MDA-04ĐT		Đang thực hiện
40	Nguyễn Quốc Hưng	Địa chất	1/2017-12/2018		B2017-MDA-14ĐT		Đang thực hiện
41	Khương Thế Hùng	Tìm kiếm thăm dò	1/2017-12/2017			T17-10	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
42	Bùi Thanh Tịnh	Tìm kiếm thăm dò	11/2017-10/2018			T17-31	Đang thực hiện
V	Khoa Khoa học cơ bản 11 nhiệm vụ (02 nhiệm vụ cấp nhà nước +02 đề tài cấp Bộ + 07 đề tài cấp cơ sở)						
43	Vũ Kim Thu	Hóa	2017-2020	104.01.2012.24			Đang thực hiện
44	Lê Đắc Tuyên	Lý		103.02-2017.67			Đang thực hiện

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Nhà nước	Bộ	Trường	
45	Vũ Thị Minh Hồng	Hóa	2014-2016		B2014-02-16		Đã nghiệm thu, xếp loại Xuất sắc
46	Lê Thị Duyên	Hóa	2017-12/2018		B2017-MDA-13ĐT		Đang thực hiện
47	Vũ Bá Dũng	Vật lý	1/2017-12/2017			T17-06	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
48	Nguyễn Thị Lan Hương	Toán	1/2017-12/2017			T17-07	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
49	Võ Thị Hạnh	Hóa	1/2017-12/2017			T17-08	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
50	Lê Thị Phương Thảo	Hóa	1/2017-12/2017			T17-09	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
51	Đỗ Thị Hải	Hóa	11/2017-10/2018			T17-37	Đang thực hiện
52	Đỗ Thị Hồng Hải	Vật lý	11/2017-10/2018			T17-38	Đang thực hiện
53	Lê Đắc Tuyên	Vật lý	11/2017-10/2018			T17-39	Đang thực hiện
VI	Khoa Mỏ 12 nhiệm vụ (01 đề tài cấp Nhà nước + 03 đề tài cấp Bộ + 08 đề tài cấp cơ sở)						
54	Vũ Đình Hiếu	Khai thác lộ thiên	3/2015- 3/2018	105.08.2014.10			Đang tổng kết
55	Nhữ Thị Kim Dung	Tuyển khoáng	1/2016-12/2017		B2016-MDA-07ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
56	Nguyễn Hoàng Sơn	Tuyển khoáng	1/2016-12/2017		B2016-MDA-08ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
57	Nguyễn Văn Thịnh	Khai thác hầm lò	1/2017-12/2018		B2017-MDA-12ĐT		Đang thực hiện
58	Nguyễn Cao Khải	Khai thác hầm lò	1/2017-12/2017			T17-15	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
59	Trần Quang Hiếu	Khai thác lộ thiên	1/2017-12/2017			T17-16	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
60	Phạm Thị Nhung	Tuyển khoáng	1/2017-12/2017			T17-17	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
61	Trần Văn Được	Tuyển khoáng	1/2017-12/2017			T17-18	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
62	Vũ Thị Chinh	Tuyển khoáng	1/2017-12/2017			T17-19	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
63	Nguyễn Hồng Cường	Khai thác hầm lò	11/2017-10/2018			T17-33	Đang thực hiện
64	Đào Văn Chi	Khai thác hầm lò	11/2017-10/2018			T17-34	Đang thực hiện
65	Nguyễn Anh Tuấn	Khai thác lộ thiên	11/2017-10/2018			T17-35	Đang thực hiện
VII	Khoa Môi trường 04 đề tài (01 đề tài HT NĐT + 02 đề tài/nhiệm vụ cấp Bộ + 01 đề tài cấp cơ sở)						
66	Nguyễn Quốc Phi	Môi trường cơ sở	1/2014- 12/2016		B2014-02-21		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
67	Phạm Quang Văn	KT môi trường, mỏ	2015-2018	NĐT.02.GER/15			Đang thực hiện
68	Đỗ Văn Bình	Địa sinh thái	3/2017-3/2018		B2017-MDA-12MT		Đang tổng kết
69	Nguyễn Thị Cúc	Môi trường cơ sở	1/2017-12/2017			T17-12	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Nhà nước	Bộ	Trường	
VIII	Khoa Trắc địa, Bản đồ và QLDD 16 nhiệm vụ (02 đề tài cấp Nhà nước + 02 đề tài cấp Bộ+ 12 đề tài cấp cơ sở)						
70	Trần Xuân Trường	Đo Ảnh và Viễn thám	9/2017-9/2020	BĐKH.20/16-20			Đang thực hiện (Trung tâm Hỗ trợ KHKTT chủ trì)
71	Nguyễn Quang Minh	TĐPT và sai số	3/2015-3/2019	105.99.2014.25			Đang thực hiện
72	Dương Thành Trung	TĐPT và sai số	1/2015-12/2017		B2015-02-22		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
73	Vũ Văn Trí	Trắc địa cao cấp	1/2016-12/2017		B2016-MDA-11ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
74	Lê Thị Thu Hà	Trắc địa mỏ	1/2017-12/2017			T17-20	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
75	Nguyễn Văn Lâm	Trắc địa cao cấp	1/2017-12/2017			T17-21	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
76	Đinh Thị Lệ Hà	Trắc địa công trình	1/2017-12/2017			T17-22	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
77	Lê Thu Trang	Đo ảnh và Viễn thám	1/2017-12/2017			T17-23	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
78	Nguyễn Quốc Long	Trắc địa mỏ	1/2017-12/2017			T17-24	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
79	Bùi Ngọc Quý	Bản đồ	1/2017-12/2017			T17-25	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
80	Lê Đức Tình	Trắc địa công trình	1/2017-12/2017			T17-26	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
81	Đỗ Thị Phương Thảo	Bản đồ	11/2017-10/2018			T17-43	Đang thực hiện
82	Phạm Quốc Khánh	Trắc địa công trình	11/2017-10/2018			T17-44	Đang thực hiện
83	Phạm Hà Thái	Đo ảnh và Viễn thám	11/2017-10/2018			T17-45	Đang thực hiện
84	Cao Xuân Cường	Trắc địa mỏ	11/2017-10/2018			T17-46	Đang thực hiện
85	Lê Văn Cảnh	Trắc địa mỏ	11/2017-10/2018			T17-47	Đang thực hiện
IX	Khoa Xây dựng 08 nhiệm vụ (01 đề tài cấp Nhà nước+04 đề tài cấp Bộ + 03 đề tài cấp cơ sở)						
86	Đỗ Ngọc Anh	XDCTN&Mỏ	3/2016-3/2018	105.08-2015.14			Đang tổng kết
87	Nguyễn Trọng Dũng	XD cơ sở hạ tầng	1/2015-12/2017		B2015-02-23		Quá hạn
88	Đặng Trung Thành	XDCTN và mỏ	1/2016-12/2017		B2016-MDA-09ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
89	Đặng Văn Kiên	XDCTN và mỏ	1/2016-12/2017		B2016-MDA-10ĐT		Đã nộp hồ sơ chờ QĐ HĐ cấp Bộ
90	Đào Viết Đoàn	XDCTN và mỏ	1/2017-12/2018		B2017-MDA-16ĐT		Đang thực hiện
91	Trần Tuấn Minh	XDCTN và mỏ	1/2017-12/2017			T17-13	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
92	Nguyễn Tài Tiến	XDCTN và mỏ	1/2017-12/2017			T17-14	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt
93	Đặng Văn Phi	Kỹ thuật xây dựng	11/2017-10/2018			T17-36	Đang thực hiện
X	Khoa Kinh tế và QTKD 02 nhiệm vụ (02 đề tài cấp cơ sở)						
94	Lê Thị Thu Hương	QTDN mỏ	1/2017-12/2017			T17-11	Đã nghiệm thu, xếp loại Tốt

STT	Họ và tên chủ nhiệm đề tài	Bộ môn	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Cấp quản lý/Mã số đề tài			Trạng thái (đang thực hiện/nghiệm thu)
				Nhà nước	Bộ	Trường	
95	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Kinh tế cơ sở	11/2017-10/2018			T17-48	Đang thực hiện
XI	Khoa Lý luận chính trị 03 nhiệm vụ (03 đề tài cấp cơ sở)						
96	Đào Thị Tuyết	Pháp luật	1/2017-12/2017			T17-29	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
97	Dương Thị Tuyết Nhung	Pháp luật	1/2017-12/2017			T17-30	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
98	Nguyễn Thị Bích Lệ	NLCN Mác-Lênin	11/2017-10/2018			T17-49	Đang thực hiện
XII	Đơn vị khác (02 đề tài cấp cơ sở)						
99	Trần Văn Độ	Khoa GDQP	1/2017-12/2017			T17-05	Đã nghiệm thu, xếp loại Khá
100	Trịnh Thế Lực	TT Phân tích và Thí nghiệm công nghệ cao	11/2017-10/2018			T17-32	Đang thực hiện

Tổng cộng: 100 đề tài thực hiện trong năm 2017, trong đó:

1. Cấp Nhà nước: 18 (02 đề tài thuộc chương trình trọng điểm cấp Quốc gia; 01 NCCB ĐHQĐ; 13 đề tài NCCB; 01 NĐT; 01 đề tài thuộc Bộ Công thương quản lý).
2. Cấp Bộ: 33 (01 nhiệm vụ HTQT song phương và 31 đề tài/nhiệm vụ KHCN cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo; 01 đề tài Bộ Xây dựng)
Kết quả nghiệm thu: 6 đề tài nghiệm thu cấp Bộ và 10 đề tài nghiệm thu cấp cơ sở
3. Cấp cơ sở: 49 (đợt 1: 30 đề tài/nhiệm vụ; đợt 2: 19 đề tài), gồm:
 - 30 đề tài/nhiệm vụ giao đợt 1 đã được nghiệm thu. *Kết quả nghiệm thu 30 đề tài, xếp loại: Tốt: 15; Khá: 15;*
 - 19 đề tài giao đợt 2 đang thực hiện.

Bảng 3. Tổng hợp số lượng đề tài NCKH các cấp thực hiện và quyết toán kinh phí năm 2017 (Phân theo các Khoa trong toàn Trường)

TT	Đơn vị quản lý đề tài, nhiệm vụ KHCN	Đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước (số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))				Đề tài, nhiệm vụ cấp Bộ (số lượng/tổng kinh phí NSNN (trđ))			Đề tài NCKH cấp cơ sở (số lượng/tổng KP (trđ))
		Bộ Công Thương quản lý	NCCB ĐHƯD	NCCB trong KHTN	Nghị định thư	Đề tài, nhiệm vụ KHCN	Đề tài HTQT song phương	Dự án Tăng cường NLNC	
1	Khoa KHCB			2/677.27 ^(*)		2/252			7/160
2	Khoa Mỏ			1/0		3/764			8/210
3	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất			2/120		8/1382			3/90
4	Khoa Dầu khí	1/0		5/1.220,5 ^(*)		9/1445			1/20
5	Khoa Trắc địa- Bản đồ và QLDD			1/0		2/376			12/270
6	Khoa Cơ - Điện					1/0		1/0	5/130
7	Khoa Môi trường				1/1.101,3	2/250			1/20
8	Khoa Xây dựng			1/360		4/874			3/60
9	Khoa KTế-QTKD								2/35
10	Khoa Lý luận chính trị								3/60
11	Khoa CNTT		1/0			1/110	1/0		3/75
12	Khoa Giáo dục quốc phòng								1/15
Tổng cộng		1/0	1/0	12/2.377,7	1/1.101,3	32/5430	1/0	1/0	49/1145

Ghi chú: ^(*): đề tài, nhiệm vụ chưa quyết toán hết kinh phí năm 2017, do kinh phí quyết toán theo giai đoạn

2.1.1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước

Trường Đại học Mở - Địa chất thực hiện 18 nhiệm vụ cấp Nhà nước, gồm:

- 02 đề tài thuộc chương trình Khoa học và Công nghệ ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020 mã số BDKH/16-20 (do Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất và Trung tâm Hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật chủ trì thực hiện);

- 01 nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt-Đức;

- 13 đề tài NCCB trong KHTN;

- 01 đề tài NCCB định hướng ứng dụng;

- 01 nhiệm vụ cấp Nhà nước do Bộ Công thương quản lý;

2.1.1.1. Đề tài KHCN cấp Quốc gia thuộc chương trình biến đổi khí hậu

1) Đề tài “Nghiên cứu tác động của hoạt động tân kiến tạo đối với sự biến đổi dòng chính các lưu vực sông khu vực Miền Trung phục vụ bảo vệ các dòng sông, thử nghiệm cho lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn”, mã số BDKH.13/16-20 do PGS.TS Trần Thanh Hải làm chủ nhiệm, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất chủ trì thực hiện. Thời gian thực hiện 36 tháng (tháng 12/2016-12/2019), tổng kinh phí 9,79 tỷ đồng. Đề tài được thực hiện từ tháng 12/2016.

2) Đề tài “Nghiên cứu, triển khai hệ thống kiểm kê phát thải nhà kính và đề xuất lộ trình giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với ngành công nghiệp luyện kim” mã số BDKH.20/16-20 do PGS.TS Trần Xuân Trường làm chủ nhiệm, Trung tâm Hỗ trợ Phát triển khoa học kỹ thuật chủ trì thực hiện. Thời gian thực hiện 36 tháng (9/2017 đến 9/2020), tổng kinh phí 6,3 tỷ đồng.

2.1.1.2. Đề tài NCCB định hướng ứng dụng

Đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình địa thống kê đánh giá tài nguyên khoáng sản khai thác lộ thiên” mã số NCCB-ĐHƯD.2012-G/01 do GS.TS Trương Xuân Luận chủ nhiệm. Thời gian thực hiện từ 12/2012 đến 12/2017, với tổng kinh phí là 2.900đ. Kết quả nghiên cứu của đề tài: Hoàn thành 02 modul cơ sở dữ liệu bản đồ cho hai khu mỏ (đồng Sin Quyền và than Cao Sơn). Tổ chức được 02 đoàn ra trao đổi học thuật - báo cáo hội thảo tại Pháp và Áo. Công bố 01 bài báo quốc tế, 1 bài báo trong nước; 02 báo cáo hội thảo nước ngoài và 06 báo cáo khoa học trong nước. Đào tạo được 03 ThS, 09 kỹ sư, 09 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học và hỗ trợ 03 NCS theo hướng đề tài. Đề tài đã nghiệm thu cấp cơ sở tháng 02/2018 và đang hoàn thiện hồ sơ để trình Quỹ Nafosted cho phép nghiệm thu cấp Nhà nước.

2.1.1.3. Thực hiện nhiệm vụ HTNC theo Nghị định thư với nước ngoài

Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư Việt - Đức “Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam”

do PGS.TS Phan Quang Văn làm chủ nhiệm. Thời hạn 36 tháng (từ tháng 12/2015 đến 12/2018). Tổng kinh phí được cấp 4.400 tr.đ. Nhiệm vụ đã hoàn thành 5/6 nội dung nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã đạt được đó là công bố 04 bài báo trên tạp chí trong nước, đang hoàn thiện 02 bài báo đăng trên tạp chí ISI; 01 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế; đào tạo được 01 ThS (phía đối tác Đức), đang hướng dẫn và hỗ trợ khoa học cho 05 NCS, 02 học viên cao học ở cả Việt Nam và Đức.

2.1.1.4. Đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên

12 đề tài tiếp tục thực hiện trong năm 2017. Đến nay, kết quả nghiên cứu của các đề tài này đã công bố 11 bài báo thuộc danh mục ISI, 15 bài báo trong nước; 12 báo cáo khoa học tại hội nghị quốc tế và trong nước; hỗ trợ đào tạo cho 5 NCS và đào tạo được 14 thạc sĩ.

Kết quả thực hiện đã có 03 đề tài được Quỹ Nafosted cho phép nghiệm thu, thanh lý hợp đồng; 06 đề tài đang thực hiện đúng tiến độ; 03 đề tài chưa hoàn thành báo cáo tổng kết do chưa đủ số lượng bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI và đã làm thủ tục xin gia hạn.

Năm 2017, Nhà trường được Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia phê duyệt tài trợ 5 đề tài (3 đề tài đang trong giai đoạn hoàn tất hồ sơ). Kết quả nghiên cứu của các đề tài được hỗ trợ từ quỹ Nafosted đã góp phần đẩy mạnh công bố nhiều công trình khoa học dưới dạng các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành ở trong và ngoài nước; góp phần tăng cường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, nâng cao trình độ cho cán bộ khoa học và đào tạo nhân lực trình độ cao cho các ngành khoa học Trái đất.

2.1.1.5. Đề tài thuộc các chương trình trọng điểm Nhà nước do Bộ Công Thương quản lý

Năm 2017, Nhà trường tiếp tục thực hiện 01 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước thuộc các chương trình trọng điểm do Bộ Công Thương quản lý, PGS.TS Nguyễn Anh Dũng làm chủ nhiệm, đề tài đã quá thời gian thực hiện, chưa được nghiệm thu.

2.1.2. Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

Năm 2017, Trường Đại học Mở - Địa chất được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao thực hiện 23 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ với tổng kinh phí được cấp 5.130 tr.đ và tiếp tục thực hiện 10 đề tài/nhiệm vụ chuyển tiếp từ trước năm 2016 chuyển sang không còn kinh phí.

Song song với các đề tài truyền thống từ Bộ chủ quản, Bộ Xây dựng đã giao cho Trường chủ trì thực hiện 01 đề tài KHCN cấp Bộ do TS Nguyễn Văn Thịnh (Khoa Dầu khí) làm chủ nhiệm với kinh phí 500 tr.đ, kinh phí được cấp 2017 là 300 tr.đ. Đề tài đã hoàn thành nhiệm vụ được giao năm 2017.

Đối với các đề tài cấp Bộ được giao năm 2017, các chủ nhiệm đề tài đã triển khai thực hiện ngay sau khi được phê duyệt. Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ

nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt.

Tổng số 33 đề tài thực hiện năm 2017 (có 24 đề tài từ trước năm 2017 chuyển sang). Kết quả của các đề tài đã công bố 16 bài báo quốc tế, 66 bài báo trên tạp chí trong nước, 41 báo cáo hội nghị hội thảo trong và ngoài nước; xuất bản được 02 sách chuyên khảo; hỗ trợ đào tạo 18 tiến sỹ, đào tạo được 34 thạc sỹ, 29 kỹ sư và 5 nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học.

Kết quả nghiệm thu: đã có 06 đề tài được nghiệm thu cấp Bộ, 09 đề tài nghiệm thu cơ sở (xem bảng 2).

Ngoài các đề tài thực hiện và nghiệm thu đúng tiến độ, còn 06 đề tài hiện đã quá hạn nghiên cứu chưa nghiệm thu (xem bảng 2), vì chưa đủ sản phẩm khoa học hoặc đào tạo. Chủ nhiệm đề tài cần khẩn trương hoàn thiện các sản phẩm và nghiệm thu trong quý II/2018.

2.1.3. Nhiệm vụ Hợp tác quốc tế song phương

Nhiệm vụ "Phát triển năng lực nghiên cứu đánh giá một số biến động môi trường điển hình phục vụ định hướng phát triển bền vững lưu vực sông Hồng phân lãnh thổ Việt Nam" do PGS.TS Lê Văn Hưng làm chủ nhiệm. Thời gian thực hiện 36 tháng (1/2012 -12/2014), được gia hạn đến 10/2017. Nhiệm vụ đã hoàn thành mô hình phục vụ đánh giá các biến động môi trường điển hình cho lưu vực sông Hồng, hoàn thành bộ cơ sở dữ liệu về biến động môi trường điển hình, công bố 01 bài báo quốc tế, 02 bài báo trong nước; 05 báo cáo hội thảo quốc tế và 01 báo cáo khoa học trong nước, đào tạo 02 ThS, hỗ trợ hướng dẫn 02 NCS. Tổ chức các đoàn nhà khoa học trao đổi và học hỏi kinh nghiệm tại Nhật Bản. Nhiệm vụ đã được nghiệm thu cấp cơ sở tháng 12/2017, đang hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép nghiệm thu cấp Bộ.

2.1.4. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Trong năm 2017, Trường Đại học Mở - Địa chất đã phê duyệt và triển khai thực hiện 49 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở, 240 đề tài NCKH của sinh viên, tổ chức một số Hội thảo khoa học quốc tế, hội thảo chuyên đề và thực hiện một số nhiệm vụ KHCN khác (hỗ trợ thông tin xuất bản, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, ...).

Đề tài NCKH cấp cơ sở chủ yếu được xây dựng trên kế hoạch phát triển khoa học - công nghệ và đào tạo của nhà trường, có xét ưu tiên cho các NCS, học viên cao học và cán bộ trẻ thực hiện. Đến nay, 30 đề tài đợt I/2017 được nghiệm thu (đạt 100%). Kết quả các đề tài xếp loại, gồm: Tốt: 15; Khá: 15. Các đề tài này đã được thanh quyết toán tài chính theo đúng quy định của nhà nước.

Sản phẩm của các đề tài NCKH cấp cơ sở đã đạt được: Đã công bố 02 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI, 35 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành trong nước và 01 sách chuyên khảo, ngoài ra một số đề tài còn đóng góp đáng kể trong bổ sung giáo trình, bài giảng chuyên ngành; 11 báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo trong nước và quốc tế. Góp phần đào tạo 03 NCS và đào tạo được 06 ThS, 22 KS và 04 nhóm sinh viên NCKH.

19 đề tài được phê duyệt đợt bổ sung năm 2017. Thời gian thực hiện từ 11/2017 đến 10/2018 đang được chủ nhiệm đề tài tiến hành triển khai theo kế hoạch.

Công tác quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nhà trường không ngừng đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức thực hiện và lập các Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Các công bố khoa học (bài báo, báo cáo khoa học, ...) là những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại kết quả nghiên cứu của đề tài. Theo đó, chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở năm 2017 được nâng lên rõ rệt.

2.1.5. Đánh giá chung

Đối với các đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và cấp Nhà nước, với sự điều hành, chỉ đạo sát sao của Ban Giám hiệu và sự đôn đốc, nhắc nhở của các đơn vị chức năng, nhiều đề tài tồn đọng từ những năm trước đã tiến hành hoàn tất tổng kết và giải quyết dứt điểm.

Đối với đề tài NCKH cấp cơ sở đã được triển khai theo đúng quy định và được nghiệm thu đạt 100%.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, trong năm qua vẫn còn có những đề tài/nhiệm vụ chưa hoàn thành, làm ảnh hưởng đến thành tích chung và uy tín của nhà trường (xem bảng 2). Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng kéo dài, nhưng một số nguyên nhân chính đó là:

- Một số chủ nhiệm đề tài nhận thức không đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện đề tài;
- Chủ nhiệm đề tài kiêm nhiệm công tác quản lý (Khoa, Bộ môn, Phòng) hoặc làm nghiên cứu sinh cho nên không dành nhiều thời gian cho việc thực hiện đề tài;
- Một số đề tài chưa hoàn thành số lượng công trình công bố quốc tế, sản phẩm đào tạo theo đăng ký trong thuyết minh nên chưa thể hoàn tất việc nghiệm thu thanh lý đề tài.

2.2. Kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng và triển khai công nghệ

Hoạt động NCKH ứng dụng và triển khai công nghệ được chia làm 2 hình thức: Hợp đồng nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ được ký kết trực tiếp về Trường và các hợp đồng được ký kết về các Trung tâm, Công ty thuộc Trường.

2.2.1. Các đề tài/hợp đồng ký về trường

Hoạt động NCKH ứng dụng và chuyển giao công nghệ thuộc các ngành nghề trọng tâm của nhà trường như Địa chất công trình, Dầu khí, Thăm dò - Khai thác khoáng sản, điều tra địa chất cơ bản, tai biến địa chất và môi trường, ... trong năm qua vẫn còn khó khăn. Các đề tài, hợp đồng NCKH được thực hiện trong năm chủ yếu từ những năm trước chuyển sang. Năm 2017, có 10 đề tài, hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ được thực hiện, với tổng kinh phí quyết toán theo hợp đồng là 7.075 triệu đồng (chi tiết xem Bảng 4 và Bảng 5).

Bảng 4. Tình hình thực hiện đề tài, hợp đồng KHCN với doanh nghiệp, địa phương ký về Trường năm 2017
(Số liệu đến ngày 15/3/2018)

TT	Mã số	Đơn vị đặt hàng	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Thời gian thực hiện (từ ... đến)	Tổng kinh phí (đ)	Kinh phí quyết toán 2017	Tình hình thực hiện
1	564ĐC/HD14	Dự án hợp tác với Viện Khảo sát Địa chất Đan Mạch	Dự án "Ô nhiễm asen trong nước ngầm tại các vùng đồng bằng bồi tích ở Đông Nam Á"	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2014-2017	2 107 564 000	621 654 909	Đã nghiệm thu
2	569ĐC/HD16	Viện Khoa học Thủy Lợi	Nghiên cứu đề xuất các mô hình, giải pháp công nghệ khai thác và bảo vệ phát triển bền vững nguồn nước karst phục vụ cấp nước sinh hoạt tại các vùng núi cao, khai hiểm nước khu vực Bắc Bộ	Nguyễn Văn Lâm (ĐCTV)	2016-2018	1648 129 350	1734 873 000	Đã nghiệm thu
3	83DK/HD15	Cty Lọc hóa dầu Bình Sơn	Nâng cao hiệu quả sử dụng và thu hồi xúc tác trong phân xưởng cracking xúc tác (RFCC) nhà máy Lọc dầu Dung Quất	Nguyễn Anh Dũng	2015-2016	3 668 000 000		Đang thực hiện (quá hạn)
4	92TD/HD16	Sở KHCN Hà Nội	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ quan trắc liên tục sự dịch chuyển và biến dạng công trình trên địa bàn thành phố Hà Nội	Phạm Công Khải	2016-2018	1 651 700 000	1 209 587 800	Đang thực hiện
5	86DK/HD16	Sở KHCN Hà Nội	Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất và sử dụng thuốc trừ sâu sinh học dạng vi sữa ứng dụng trong bảo quản nông sản sau thu hoạch	Phạm Xuân Núi	2016-2018	1 200 000 000	600 000 000	Đang thực hiện
6	31KT/HD16	Bộ Công Thương	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quản lý chất lượng đối với thuốc nổ TNT dùng trong công nghiệp	Nguyễn Duy Lạc	2016-2017	300 000 000	300 000 000	Đã nghiệm thu
7	32GDQP/HD17	Trường CĐ Du lịch HN	Hợp đồng liên kết đào tạo môn GDQP-An ninh cho sinh viên	Nguyễn Văn Quảng	2017-2017	69 685 000	69 685 000	Đã nghiệm thu
8	33GDQP/HD17	Học viện Ngoại giao	Hợp đồng liên kết đào tạo môn GDQP-An ninh cho sinh viên	Nguyễn Văn Quảng	2017-2017	180 400 000	180 400 000	Đã nghiệm thu
9	DTCN.25/2017	Sở KHCN Thái Nguyên	Nghiên cứu sử dụng tro xỉ nhà máy nhiệt điện tỉnh Thái Nguyên trong Xây dựng đường giao thông phục vụ phát triển bền vững và bảo vệ môi trường	Nguyễn Ngọc Dũng Bùi Trường Sơn	2017-2019	263 209 596		Đang thực hiện
10	570ĐC/HD17	Cục Quản lý điều tra cơ bản biển và hải đảo	Điều tra, đánh giá đa dạng cảnh quan một số đảo và cụm đảo lớn, quan trọng	Hoàng Văn Long	2017	2 358 768 800	2 358 768 800	Đã nghiệm thu
Cộng						13 447 456 746	7 074 969 509	

Bảng 5. Đối sánh kết quả các đề tài NCKH - triển khai công nghệ với doanh nghiệp, địa phương trực tiếp ký Trường năm 2016 và năm 2017

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ Tăng/giảm (%)
1	Số lượng hợp đồng	hợp đồng	15	10	-33,33
2	Tổng kinh phí quyết toán	Tr.đ	3 327	7.075	112,6
3	Số tiền đóng góp cho Trường	Tr.đ	169,5	353,2	108,38

2.2.2. Hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO

Các Trung tâm, Công ty của Trường đã khẳng định tốt vai trò NCKH - triển khai công nghệ và đào tạo của đơn vị mình, góp phần vào thành tích chung trong hoạt động NCKH, thiết thực cùng các Khoa nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời đóng góp một phần kinh phí không nhỏ cho hoạt động chung của nhà trường.

Kết quả hoạt động của 08 trung tâm nghiên cứu và công ty CODECO được trình bày trong Bảng 6 và Bảng 7.

Bảng 6. Đối sánh kết quả hoạt động NCKH - triển khai công nghệ của các trung tâm và công ty CODECO năm 2016 và năm 2017

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ tăng/giảm (%)
1	Số lượng hợp đồng	hợp đồng	1023	830	-18,87
2	Tổng doanh thu của TT, Cty	Tr.đ	184.461	189.349	2,65
3	Số tiền đóng góp cho Trường	Tr.đ	2.763	2.847	3,04
4	Số tiền thuế đã nộp	Tr.đ	16.078	14.439	-10,19

Bảng 7. Tổng hợp số liệu hoạt động KHCN của các trung tâm nghiên cứu, công ty CODECO năm 2017 (số liệu báo cáo của các Trung tâm, công ty đến ngày 15/3/2018)

TT	Trung tâm, công ty	Số hợp đồng thực hiện năm	Kinh phí thực hiện (1000đ)			Kinh phí nộp Trường (1000đ)			Các loại thuế (1000đ)
			Tổng	Đã về năm 2017	Đã quyết toán số kinh phí	Mức giao nộp 2017 (1,5%)	Đã nộp	Còn phải nộp	
1	Công ty CODECO	80	29 625 709		29 625 710	444 386	444 386		3 229 126
2	TT NC Địa kỹ thuật	318	60 770 000		60 770 000	911 550	911 550		1 201 116
3	TT Hỗ trợ Phát triển KHKT	158	50 604 000		35 101 152	526 517	526 517		3 634 362
4	TT NC Môi trường Địa chất	17	13 057 040		13 057 040	195 856	195 856		1 137 183
5	TT KHCN Mỏ và Môi trường	117	14 469 823		14 469 823	217 047	217 047		1 488 885
6	TT NC Trắc địa công trình	38	8 536 000		8 536 000	128 040	128 040		955 600
7	TT NCƯD CNM Trắc địa - Bản đồ	34	12 268 219		12 268 219	184 023	184 023		1 292 653
8	TT NC Cơ điện mỏ	41	6 026 524		6 026 524	90 398	90 398		475 994
9	TT TK Công nghệ khoáng chất	27	15 762 000		9 495 306	142 430	142 430		1 024 295
	Tổng cộng	830	211 119 315		189 349 774	2 840 247	2 840 247	0	14 439 214

(* Ghi chú: Mức giao nộp năm 2017 là 1,5% tổng doanh thu (mức đóng góp tối thiểu 30 trđ)

2.2.3. Đánh giá chung về hoạt động Khoa học công nghệ của các Công ty, trung tâm

Kết quả hoạt động NCKH của các công ty, trung tâm nghiên cứu đã góp phần đưa các ứng dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực thăm dò - khai thác khoáng sản, trắc địa - bản đồ, quản lý tài nguyên và môi trường, công nghệ thông tin phục vụ kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp tạo tiền đề cho công tác quy hoạch, hoạch định chính sách về khai thác, quản lý tài nguyên khoáng sản và đất đai, bảo vệ môi trường ... ở các địa phương.

Các trung tâm sau khi chuyển đổi hoạt động theo Nghị định 115/2014-NĐ.CP đã có nhiều thay đổi tích cực, đặc biệt là các trung tâm có sự thay đổi, kiện toàn về nhân sự lãnh đạo. Trung tâm đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính của trung tâm là nghiên cứu khoa học, nhiều trung tâm đã chủ trì thực hiện các đề tài KHCN cấp Quốc gia; liên kết, phối hợp với các Bộ ngành chủ trì các đề tài/hợp đồng nghiên cứu khoa học, như Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Khoa học kỹ thuật, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất, Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mở, ...

Hoạt động nghiên cứu của các công ty, trung tâm đã tạo môi trường thuận lợi cho thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp cho học viên sau đại học và sinh viên của nhà trường. Trong thời gian tới, cần có sự gắn kết hơn nữa giữa các khoa, bộ môn và các công ty, trung tâm nghiên cứu trong công tác NCKH và đào tạo thông qua các đề tài NCKH, hợp đồng chuyển giao công nghệ, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có địa bàn thực tập, các tài liệu khoa học, các số liệu chuẩn phục vụ việc xây dựng báo cáo, đồ án, luận văn, luận án và kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Bên cạnh những đóng góp về NCKH - triển khai công nghệ và góp phần hỗ trợ đào tạo, các trung tâm nghiên cứu và công ty Codeco đã đóng góp cho nhà trường một nguồn thu đáng kể từ hoạt động khoa học và công nghệ và dịch vụ khoa học và công nghệ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển chung của Trường.

2.3. Các hoạt động khoa học và công nghệ khác

2.3.1. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

Trường Đại học Mở - Địa chất được nhà nước đầu tư 08 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu, hoạt động của các PTN vẫn chủ yếu phục vụ cho sinh viên thực tập, chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, việc sử dụng các phòng thí nghiệm cho NCKH còn hạn chế, chưa đáp ứng đúng mục tiêu đầu tư nhằm phục vụ NCKH và đào tạo nhân lực có trình độ cao (NCS, học viên cao học). Một số trang thiết bị xuống cấp, các linh kiện đi kèm chưa được bổ sung, cơ sở hạ tầng chưa bảo đảm nên khả năng phục vụ nghiên cứu khoa học của các PTN này còn hạn chế.

Trung tâm Thí nghiệm và Phân tích công nghệ cao của Nhà trường, là một đơn vị hoạt động trực thuộc Ban Giám hiệu. Trung tâm kiện toàn công tác tổ chức, nhân sự và đã chính thức đi vào hoạt động. Trung tâm tiếp tục xây dựng quy chuẩn phòng thí nghiệm, quy chế hoạt động và triển khai vận hành thiết bị thí nghiệm, phối hợp với các

đề tài, hợp đồng nghiên cứu thực hiện các phân tích, thí nghiệm công nghệ cao, công bố các bài báo trên những tạp chí khoa học có uy tín. Nhà trường sẽ thí điểm cho phép Trung tâm trở thành đơn vị tự chủ về tài chính và hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.3.2. Công tác nghiên cứu khoa học của sinh viên và thi Olympic

2.3.2.1. Nghiên cứu khoa học sinh viên

Hội nghị KHSV Trường lần thứ 30 đã được triển khai ở 23 tiểu ban chuyên với tổng số 240 đề tài được báo cáo. Ban tổ chức HNKHSV lần thứ 30 đã thẩm định, đánh giá và lựa chọn được 48 đề tài đạt chất lượng, đề nghị Nhà trường khen thưởng, gồm: 23 đề tài đạt giải Nhất, 18 đề tài đạt giải Nhì và 7 đề tài đạt giải Ba (xem Bảng 8).

Chất lượng chuyên môn của các đề tài NCKHSV được đánh giá là cao hơn so với những năm trước. Nhìn chung, kết quả thực hiện đề tài NCKH của sinh viên đã minh chứng cho kết quả học tập nghiên cứu và hình thành hướng đi trong NCKH của thế hệ trẻ trong tương lai. Nhà trường đã chọn 05 công trình NCKHSV có chất lượng tốt nhất để gửi đi tham dự xét giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kết quả 04 công trình đạt giải, gồm 02 giải nhì, 02 giải ba.

Bảng 8. Đối sánh kết quả nghiên cứu khoa học sinh viên 2 năm 2016 và 2017.

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ Tăng/giảm (%)
1	Tổng số đề tài	240	240	-
2	Số sinh viên tham gia	900	1020	13,3
3	Giải thưởng cấp Trường	52	48	-7,69
	<i>Nhất</i>	24	23	-4,17
	<i>Nhì</i>	20	18	-10,0
	<i>Ba</i>	8	7	-12,5
4	Giải thưởng NCKH sinh viên cấp Bộ	4	4	-
	<i>Nhất</i>	1		-100
	<i>Nhì</i>	2	2	-
	<i>Ba</i>		2	200
	<i>Khuyến khích</i>	1		-100

2.3.2.2. Thi Olympic

Kỳ thi Olympic cấp Trường năm 2017 được tổ chức tại hai địa điểm là Hà Nội và Vũng Tàu với 14 môn thi và 476 sinh viên tham dự (tăng 21,74% so với năm 2016). Ban tổ chức đã lựa chọn và đề nghị Hiệu trưởng khen thưởng 141 cá nhân có thành tích tốt nhất. Trên cơ sở kết quả của cuộc thi Olympic cấp Trường, Nhà trường đã thành lập 6 đội tuyển tham dự các kỳ thi Olympic cấp quốc gia. Do các đội tuyển được chuẩn bị kiến thức tương đối tốt, các sinh viên tham gia đội tuyển có tinh thần trách nhiệm cao

nên các đội tuyển trong trường đã đạt nhiều kết quả tốt trong kỳ thi Olympic cấp quốc gia với 23 giải thưởng, trong đó môn Toán có 1 giải nhì và 4 giải ba; môn Vật lý có 5 giải nhì, 2 giải khuyến khích; các môn Cơ học đạt 01 giải nhì, 02 giải ba và 08 giải khuyến khích (Bảng 9).

Bảng 9. Kết quả Thi Olympic cấp Trường và Quốc gia năm 2016 so với năm 2017

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ Tăng/giảm (%)
1	Số sinh viên tham gia	391	476	21,74
2	Giải thưởng cấp Trường	88	141	60,23
	<i>Nhất</i>	<i>11</i>	<i>11</i>	-
	<i>Nhì</i>	<i>36</i>	<i>23</i>	-36,11
	<i>Ba</i>	<i>26</i>	<i>57</i>	119,23
	<i>Khuyến khích</i>	<i>15</i>	<i>50</i>	233,33
3	Giải thưởng cấp quốc gia	30	23	-23,33
	<i>Nhất</i>	<i>1</i>		-100
	<i>Nhì</i>	<i>11</i>	<i>7</i>	-36,36
	<i>Ba</i>	<i>4</i>	<i>6</i>	50,0
	<i>Khuyến khích</i>	<i>14</i>	<i>10</i>	28,57

2.3.2.3. Đánh giá chung

Nhà trường đã tổ chức thi Olympic cấp Trường sớm hơn những năm trước 02 tháng tạo điều cho bộ môn có thời gian huấn luyện, bồi dưỡng các đội tuyển có môn thi Quốc gia. Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên các cấp trong năm qua, đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Có được thành công này, sự quan tâm chỉ đạo của Ban Giám hiệu, sự chủ động phối hợp giữa các đơn vị trong trường cùng sự tận tình hướng dẫn của các thầy, cô giáo đã tạo điều kiện cho sinh viên tự tin, hăng hái tham gia.

Bên cạnh sự hỗ trợ về kinh phí của nhà trường còn có sự định hướng, hỗ trợ về tinh thần, vật chất của các thầy cô giáo, các đơn vị trong và ngoài trường tạo điều kiện cho sinh viên trong hoạt động nghiên cứu, góp phần không nhỏ vào thành công của hoạt động NCKH và thi Olympic và mang lại ý nghĩa thiết thực cho việc nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo và NCKH của sinh viên.

2.4. Hoạt động thông tin khoa học

2.4.1. Tạp chí KHKH Mỏ - Địa chất

Tạp chí đã tạo được cơ sở dữ liệu với mạng lưới 200 chuyên gia uy tín thuộc các lĩnh vực chuyên ngành sẵn sàng phản biện cho các bài báo khoa học được gửi tới Tạp chí. Đơn vị chức năng đã chuẩn hóa được quy trình đăng bài trên tạp chí KHKH Mỏ - Địa chất theo hướng hiện đại, hòa nhập quốc tế.

Trong năm 2017 đã biên tập và xuất bản 10 số Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất trong đó có 6 số thường kỳ (04 số tiếng Việt và 2 số tiếng Anh) và 4 số chuyên đề. Tổng số 123 bài báo khoa học trong đó có 16 bài tiếng Anh đã được xuất bản.

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn những hạn chế trong việc xuất bản tạp chí như chưa thu hút được các bài báo có chất lượng chuyên môn cao, tỉ lệ cán bộ trong trường có bài đăng trên tạp chí vẫn còn khiêm tốn.

Ban Biên tập Tạp chí sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng, cải tiến hình thức, tăng cường vai trò của thành viên Hội đồng Biên tập, từng bước tự chủ về tài chính và thương mại hóa tạp chí.

2.4.2. Các hội nghị, hội thảo khoa học

Trong năm 2017, nhà trường cùng các Khoa chuyên môn đã tổ chức được 6 hội thảo (xem Bảng 10).

Bảng 10. Các hội nghị, hội thảo khoa học trong nước/quốc tế được tổ chức năm 2017

TT	Tên hội nghị/hội thảo	Thời gian tổ chức	Tổng số đại biểu tham gia/đại biểu quốc tế	Đơn vị chủ trì/đồng chủ trì
1	Geo-Spatial Technologies and Earth Resources” (GTER 2017) Công nghệ Địa không gian và Tài nguyên Trái đất	5-7/10/2017	200/60	Trường Đại học Mỏ - Địa chất /Hội Trắc địa mở thế giới
2	Hội nghị quốc tế trong lĩnh vực dầu khí tích hợp	19/10/2017	70/14	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Tổng công ty thăm dò và Khai thác Dầu khí
3	International Conference on Sustainable Groundwater Development ” (Phát triển bền vững tài nguyên nước dưới đất)	26/10/2017	130/15	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Trung tâm Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên nước quốc gia/Tổ chức BGR (Đức)/ Hội Địa chất thủy văn Việt Nam/ Trường ĐH Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội
4	Hội thảo Công tác đào tạo ngành Địa chất dầu khí	9/6/2017	100	Trường Đại học Mỏ - Địa chất
5	Hội nghị quốc tế về Hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Ba Lan và Việt Nam lần thứ IV (Pol-Viet 2017)	20-24/11/2017	100	Trường Đại học AGH (Ba Lan)/Trường Đại học Mỏ - Địa chất
6	Hội thảo Efficient and Effective Approaches for Potential Field Modelling in O&G Exploration: Voxel, Layer Based and Hybrid Modelling	9/5/2017	50/5	Trường Đại học Mỏ - Địa chất/Geosoft,

Năm 2017, Nhà trường đã tổ chức thành công 03 Hội nghị quốc tế, 02 Hội thảo chuyên đề, đồng tổ chức Hội thảo quốc tế với trường đại học Khoa học và Công nghệ AGH (Ba Lan). Các Hội thảo đều được chuẩn bị công phu, nghiêm túc và tổ chức chu đáo. Các Hội thảo đã thu hút được đông đảo các nhà khoa học trong nước và quốc tế đến từ các quốc gia có nền khoa học phát triển như Nga, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản... đã đem lại những thay đổi tích cực trong các lĩnh vực chuyên môn của Nhà trường đối với các nhà khoa học trong và ngoài nước. Thông qua hội thảo, các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ trẻ của Nhà trường có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc giao lưu với các nhà khoa học trong và ngoài nước để học hỏi, đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN cũng như đào tạo sau đại học. Các tài liệu của Hội thảo được biên tập, hiệu chỉnh và đều được cấp giấy phép xuất bản theo quy định của Nhà nước. Đặc biệt tại Hội nghị quốc tế “Geo-Spatial Technologies and Earth Resources” (GTER 2017) Công nghệ Địa không gian và Tài nguyên Trái đất” Ban Tổ chức đã nhận được hơn 200 bài báo của các nhà khoa học và các chuyên gia đến từ 20 quốc gia trên thế giới. Sau quá trình phản biện, 133 bài báo đã được lựa chọn để công bố, trong số đó có 24 bài báo chất lượng cao được chọn để xuất bản trong ấn phẩm đặc biệt của Springer International Publishing.

Bên cạnh những thành tích đạt được trên vẫn tồn tại một số hạn chế như một số tác giả nộp bài muộn dẫn đến hết thời gian nhận bài. Công tác biên tập, hiệu đính do thời gian gấp nên vẫn có lỗi biên tập.

Giải pháp tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế: cần xây dựng các trang website chính thức của các Hội thảo, quảng bá thông tin rộng rãi đến các đơn vị trong và ngoài nước. Liên kết với các tổ chức khoa học, các nhà khoa học ở nước ngoài để phát triển và trao đổi học thuật, tiếp nhận các công nghệ tiên tiến mới trên thế giới góp phần đẩy mạnh quan hệ hợp tác quốc tế của Nhà trường.

Các hội nghị/hội thảo khoa học đã là nơi giao lưu của các nhà khoa học trong nước và quốc tế trong nghiên cứu khoa học và đào tạo, đồng thời là cơ hội tốt để trao đổi học thuật, chia sẻ kinh nghiệm, công bố những kết quả nghiên cứu mới trong lĩnh vực khoa học Trái và mở và các khoa học liên quan. Các Hội nghị/Hội thảo này cũng là dịp để các nhà khoa học, nhà quản lý của Trường Đại học Mở - Địa chất tự đánh giá về năng lực chuyên môn và ngoại ngữ, từ đó tiếp tục hoàn thiện kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ.

Đánh giá chung: Các hội nghị, hội thảo đều được chuẩn bị công phu, nghiêm túc và tổ chức chu đáo. Thông qua hội thảo, các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ trẻ của nhà trường có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc giao lưu với các nhà khoa học trong và ngoài nước để học hỏi, trao đổi chuyên môn, ngoại ngữ và kinh nghiệm trong NCKH và quản lý; đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN cũng như đào tạo sau đại học. Mặc dù kinh phí hỗ trợ từ Nhà trường cho các Hội nghị, hội thảo còn nhiều khó khăn, nhưng khi được Nhà trường giao nhiệm vụ, Khoa/Bộ môn chủ trì đã chủ động huy động từ các nguồn xã hội hóa.

2.4.3. Các kết quả công bố khoa học

Từ kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH, các nhà khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Số bài báo

công bố trên tạp chí quốc tế năm 2016 là 60 bài, giảm 25 bài so với năm 2016, các bài báo chủ yếu tập trung ở một số khoa như Khoa học cơ bản, Công nghệ thông tin, Trắc địa, Bản đồ và QLDD, Xây dựng (xem Bảng 11 và Bảng 12).

Bảng 11. Tổng hợp số lượng bài báo, báo cáo khoa học năm 2017 của các Khoa trong trường (theo số liệu báo cáo của các Khoa).

TT	Khoa	Bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế	Bài báo đăng trên các tạp chí trong nước	Báo cáo Hội thảo, Hội nghị trong và ngoài nước
1	Cơ - Điện	3	24	7
2	CNTT	13	23	9
3	Dầu khí	3	12	18
4	Khoa học và KT Địa chất	4	12	22
5	Khoa học cơ bản	16	21	28
6	Kinh tế - QTKD	1	25	4
7	Lý luận chính trị		7	1
8	Mỏ	2	28	32
9	Xây dựng	7	23	22
10	Trắc địa, BD và QLDD	10	48	49
11	Môi trường	1	14	19
12	Giáo dục quốc phòng		4	
	Cộng	60	241	211

*Chi tiết danh mục các công bố trong nước và quốc tế; báo cáo khoa học tại hội nghị/hội thảo trong và ngoài nước thực hiện trong năm 2017 được đăng tải trên Website của trường.

Bảng 12. Đối sánh kết quả công bố khoa học 2 năm 2016 và năm 2017

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Tỉ lệ Tăng/giảm (%)
1	Số bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế	85	60	- 29,41
2	Số bài báo khoa học công bố trên tạp chí trong nước	197	241	22,34
3	Số báo cáo tại các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước	353	211	-40,23

Năm 2017, nhà trường đã hỗ trợ kinh phí cho 11 bài báo công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI theo quy định của nhà trường.

2.4.4. Về tài liệu hội thảo khoa học

Công tác biên tập và xuất bản các báo cáo khoa học của các hội nghị khoa học cấp Trường, Quốc tế cũng như các hội thảo chuyên đề được giao cho Ban Tổ chức hoặc các Khoa chuyên môn đăng cai hội thảo đảm nhận.

Nhìn chung, công tác biên tập đều được thực hiện khá nghiêm túc, đảm bảo chất lượng nội dung và hình thức phù hợp với qui mô, tính chất của từng hội nghị, hội thảo.

2.4.5. Về Tuyển tập Công trình khoa học sinh viên

Sau khi kết thúc Hội nghị NCKHSV Lần thứ 30, Ban tổ chức đã lựa chọn và cho đăng 44 báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên đã đạt giải tại các tiểu ban chuyên môn của HNKH sinh viên.

2.5. Hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ

Hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học của nhà trường có nhiều kết quả nổi bật. Tiếp tục thực hiện đề tài hợp tác KHCN theo nghị định thư với CHLB Đức và 01 nhiệm vụ hợp tác song phương với Nhật Bản. Đã phối hợp với Trường Đại học Khoa học tự nhiên tiếp tục thực hiện dự án hợp tác với Đan Mạch do Liên minh Châu Âu tài trợ kinh phí.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế nhằm tạo điều kiện cho các nhà khoa học của trường có điều kiện trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm về chuyên môn, nâng cao trình độ ngoại ngữ, đồng thời nâng cao uy tín và vị thế của nhà trường trong hoạt động KHCN.

Nhà trường đã triển khai chương trình hợp tác quốc tế Erasmus+ với Trường Đại học KHCN AHG Krakov (Ba Lan) về trao đổi học thuật cho giảng viên và sinh viên, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, trình độ ngoại ngữ và khả năng hội nhập quốc tế cho cán bộ và sinh viên của Trường. Năm qua, đã có 08 sinh viên đại học của trường được đi thực tập 3 tháng tại trường AGH, 03 giảng viên của trường tham gia giảng dạy các chương trình Thạc sĩ và TS tại AGH. Nhà trường đã cử 8 cán bộ tham dự Hội nghị Pol-Viet tại Đại học AGH. Đã có 02 NCS của AGH đến thực tập tại trường và 03 giảng viên của AGH đến giảng một số môn tại các khoa Dầu khí, Trắc địa. Ngoài ra, Nhà trường cũng đã chú trọng phát triển và mở rộng quan hệ hợp tác về đào tạo và NCKH với các nước có trình độ công nghệ tiên tiến như Anh, Mỹ, Australia, Nhật Bản, Đức, ...

2.6. Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được nhà trường xác định là công tác quan trọng. Nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của nhà trường trong hoạt động KHCN.

Công tác này đã được phòng KHQT và các phòng chức năng liên quan thực hiện và tổ chức quản lý chặt chẽ bám sát các văn bản pháp quy, quy chế nội bộ; chủ động xây dựng kế hoạch KHCN của Trường theo đúng yêu cầu của Nhà trường và các cơ quan quản lý cấp trên.

- Phòng KHQT thường xuyên theo dõi tiến độ, đôn đốc các chủ nhiệm đề tài, dự án triển khai nhiệm vụ theo đúng các hợp đồng và đề cương nghiên cứu. Hướng dẫn kịp thời các chủ nhiệm đề tài thực hiện kế hoạch nghiên cứu theo các quy định. Kịp thời tổ chức đăng ký các đề tài mới và đánh giá nghiệm thu kết quả các đề tài hoàn thành.

- Phòng Tài vụ đã kịp thời hướng dẫn các chủ nhiệm đề tài/nhiệm vụ giải ngân kinh phí cho các đề tài, hợp đồng thực hiện theo đúng tiến độ và thực hiện đúng việc chi tiêu tài chính theo quy định của Nhà nước.

- Các Khoa, Bộ môn đã ý thức được vai trò, trách nhiệm trong quản lý hoạt động KHCN của đơn vị mình.

- Đã cải tiến cách thức đăng ký, xây dựng, xét duyệt và giám sát việc thực hiện đề tài trong đó nâng cao vai trò của các khoa và bộ môn trong triển khai đăng ký, xét duyệt sơ bộ các đề xuất nhiệm vụ KHCN theo hướng dẫn của Trường, tham gia đánh giá nghiệm thu kết quả ở cấp cơ sở và cấp Bộ.

Tuy nhiên, một số đơn vị (khoa, bộ môn chủ quản) chưa quan tâm đúng mức đối với việc xây dựng, xét duyệt và thực hiện các nhiệm vụ KHCN, dẫn tới tình trạng một số đề tài tồn đọng; một số đề cương nghiên cứu không bảo đảm chất lượng và bị các hội đồng xét duyệt từ chối thực hiện.

Trong năm qua, Nhà trường đã sử dụng đúng mục đích kinh phí hoạt động KHCN chi từ ngân sách Nhà nước. Đến quý I/2018, hầu hết đề tài các cấp đều đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí năm 2017. Số lượng đề tài, dự án NCKH các cấp được thực hiện và đã quyết toán kinh phí từ NSNN năm 2017 (xem bảng 2).

Ngoài kinh phí được Nhà nước đầu tư, Nhà trường còn trích một phần kinh phí đáng kể từ nguồn chi thường xuyên để hỗ trợ cho các hoạt động KHCN cấp cơ sở như các đề tài NCKH cấp cơ sở, NCKH sinh viên, các hội nghị, hội thảo, ... nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động KHCN của Trường với tổng kinh phí là 2.151 trđ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2017

3.1. Những kết quả đạt được

- Nhà trường đã chỉnh sửa và ban hành Quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường cho phù hợp các quy định mới của nhà nước, tạo cơ sở hành lang pháp lý cho công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

- Đến cuối năm 2017 hầu hết các đề tài/nhiệm vụ KHCN các cấp, đề tài NCCB thực hiện trước 2017 chuyển sang đã được tổng kết, nghiệm thu.

- Đóng góp quan trọng trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo, gắn nhiệm vụ NCKH với đào tạo NCS và cao học, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực có trình độ cao, góp phần thực hiện tốt chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường giai đoạn 2016-2020.

- Hoạt động NCKH cấp cơ sở đã có nhiều thay đổi tích cực trong công tác xét duyệt, thời gian thực hiện và đánh giá kết quả đề tài.

- Hoạt động triển khai công nghệ của các tổ chức khoa học vẫn chủ yếu là thực hiện các hợp đồng dịch vụ KHCN, bên cạnh đó một số trung tâm hoạt động NCKH - triển khai công nghệ đã chủ trì thực hiện các đề tài KHCN cấp Quốc gia, cấp Bộ như: Trung tâm Hỗ trợ Phát triển khoa học kỹ thuật, Trung tâm Nghiên cứu Cơ điện tử, Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất, ... đóng góp quan trọng trong hoạt động NCKH và đào tạo nhân lực của Trường.

- Hoạt động NCKH - triển khai công nghệ của nhà trường tiếp tục phát triển về chất lượng và số lượng các hợp đồng, đề tài.

- Một số trung tâm sau khi kiện toàn nhân sự, bổ sung thêm lĩnh vực hoạt động, bước đầu phát huy được những lĩnh vực đặc thù. Tuy nhiên, các trung tâm vẫn cần phát huy tiềm lực sẵn có, nâng cao vị thế và mở rộng các ngành, nghề là thế mạnh của nhà trường, đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội.

- Công tác NCKH sinh viên, Olympic các cấp đã đạt được thành tích đáng khích lệ với các giải thưởng cao, tạo động lực quan trọng trong học tập và NCKH của sinh viên.

- Số lượng công bố khoa học, đặc biệt là công bố quốc tế của cán bộ khoa học nhà trường năm 2017 vẫn ổn định, tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế của nhà trường trong nước và trong khu vực.

- Số lượng đề tài do Quỹ Nafosted tài trợ thực hiện năm 2017 đã tăng gấp 2-3 lần so với những năm trước.

3.2. Một số tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KHCN của Trường trong năm qua còn một số tồn tại và hạn chế nhất định, cụ thể:

- Hoạt động KHCN của nhà trường chưa tương xứng với nhiệm vụ và tiềm lực KHCN của Trường. Sản phẩm NCKH được chuyển giao còn rất khiêm tốn, các kết quả nghiên cứu chủ yếu vẫn dừng ở mức độ nghiên cứu lý thuyết và phục vụ đào tạo;

- Số lượng và kinh phí đầu tư cho hoạt động KHCN cấp Bộ ngày càng hạn chế;

- Công tác hoạt động khoa học và công nghệ ở một số khoa, chuyên môn vẫn còn thiếu chuyên nghiệp, một phần do đặc thù ngành nghề, một phần do chưa được lãnh đạo các Khoa, Bộ môn quan tâm chỉ đạo sát sao.

- Năng lực và xây dựng các đề xuất và viết thuyết minh nhiệm vụ của cán bộ còn hạn chế, trong nhiều trường hợp chưa đáp ứng được yêu cầu của Hội đồng chuyên môn; Mặc dù đã được nhà trường tổ chức các buổi tập huấn, mời chuyên gia hướng dẫn xây dựng đề xuất, viết thuyết minh đề tài, cách thức viết bài báo khoa học để đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế, nhưng chưa được các nhà khoa học trẻ quan tâm.

- Công tác triển khai, tổ chức thực hiện đề tài của một số chủ nhiệm còn lúng túng, dẫn đến thực hiện không đúng tiến độ, hoặc kéo dài quá hạn hợp đồng.

- Các phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu chưa phát huy được năng lực nghiên cứu khoa học, các đề tài/nhiệm vụ và học viên sau đại học sử dụng các phòng thí nghiệm này còn hạn chế, chưa tương xứng với quy mô hoạt động.

- Các phòng thí nghiệm chưa phát huy được hiệu quả sử dụng thiết bị phục vụ cho việc nghiên cứu và thực hiện các đề tài và nhiệm vụ KHCN các cấp.

- Phần mềm quản lý khoa học và công nghệ và tính điểm công trình cho cán bộ giảng dạy chưa được đưa vào sử dụng thay thế phương pháp truyền thống.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2018

I. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018

Năm 2018, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Nhà trường vẫn tiếp tục bám sát định hướng hoạt động KHCN được nêu trong kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020 của Nhà trường, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề tài NCKH các cấp đã được phê duyệt.
- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng các chương trình, đề tài KHCN lớn cấp nhà nước, mang tính liên ngành để tập hợp đông đảo các nhà khoa học trong trường cùng giải quyết về các lĩnh vực mang tính chất chuyên ngành Khoa học Trái đất - Mỏ.
- Tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế trong hoạt động KHCN nhất là NCKH - chuyển giao công nghệ.
- Tham gia tích cực vào các chương trình trọng điểm của Nhà nước, Bộ, Ngành;
- Xây dựng các đề tài NCCB trong KHTN và NCCB định hướng ứng dụng do Quỹ Nafosted tài trợ kinh phí;
- Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về lĩnh vực khoa học trái đất và mỏ của các nhà khoa học;
- Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của nhà trường;
- Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng của Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất, số tiếng Việt và số tiếng Anh;
- Đẩy mạnh hơn nữa công tác NCKH của giảng viên trẻ và của sinh viên.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên cần triển khai thực hiện các giải pháp khắc phục những vấn đề còn tồn tại của năm 2017, làm tiền đề cho việc tăng cường hoạt động KHCN trong năm 2018, trong đó có một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Đẩy mạnh việc xây dựng nguồn nhân lực KHCN có trình độ cao, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu trong các lĩnh vực chủ đạo của Nhà trường trong thời gian tới để đáp ứng yêu cầu thực tế và hội nhập quốc tế; Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu để hình thành và thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thuộc thế mạnh của nhà trường, giải quyết đáp ứng tốt nhu cầu xã hội cần;
- Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình nghiên cứu;
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học. Tăng cường mở các đề tài hợp tác với các nước dưới dạng các nhiệm vụ nghị định thư, nhiệm vụ song phương, tổ chức các hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật;

- Tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng các phòng thí nghiệm, tích cực đầu tư thiết bị thí nghiệm gắn liền với sản xuất;
- Tổ chức các đợt tập huấn kỹ năng xây dựng các đề xuất khoa học, viết thuyết minh đề tài NCKH và viết bài báo khoa học cho cán bộ trẻ;
- Làm tốt công tác khen thưởng và kiên quyết xử lý đối với các đề tài quá hạn.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA HOẠT ĐỘNG KHCN NĂM 2018

2.1. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia:

- Tiếp tục xây dựng đề tài NCCB trong KHTN do Quỹ Nafosted tài trợ kinh phí;
- Tiếp tục thực hiện 12 đề tài, nhiệm vụ cấp Nhà nước, gồm:
 - + 02 đề tài cấp Quốc gia thuộc Chương trình KHCN ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường mã số BDKH/16-20;
 - + 07 đề tài NCCB trong khoa học tự nhiên;
 - + Hoàn thành nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư Việt - Đức;
 - + Hoàn thành, nghiệm thu cấp nhà nước đề tài NCCB định hướng ứng dụng;
 - + Hoàn thành, nghiệm thu nhiệm vụ thuộc dự án trọng điểm do Bộ Công Thương quản lý.
- Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 05 đề tài NCCB được giao đợt I và đợt II năm 2017.
- Hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài: Tiếp tục xây dựng các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư, hợp tác song phương với các nước: Đức, Ba Lan, Mỹ, ...

2.2. Xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp Bộ

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp bộ:
- Xây dựng các đề xuất và đề cương đề tài cấp bộ 2019;
 - Tiếp tục triển khai thực hiện 12 đề tài, nhiệm vụ cấp bộ chuyển tiếp từ 2017 và đơn đốc các đề tài, nhiệm vụ hết hạn nghiên cứu nghiệm thu;
 - Hoàn thành, nghiệm thu cấp Bộ nhiệm vụ hợp tác NCKH song phương với Nhật Bản;
 - Tổ chức ký hợp đồng, kịp thời triển khai thực hiện 04 đề tài (01 đề tài hợp tác song phương Việt - Hàn và 03 đề tài KHCN cấp Bộ) được giao năm 2018;
 - Hoàn thành dự án tăng cường năng lực nghiên cứu cho phòng thí nghiệm của khoa Cơ điện, phòng thí nghiệm Tuyển khoáng, Trắc địa.

2.3. Các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ NCKH - triển khai công nghệ phục vụ các địa phương, doanh nghiệp, gồm:
- Hoàn thành, nghiệm thu cấp Tỉnh/Thành phố 03 đề tài KHCN cấp Tỉnh.
 - Tập trung xây dựng các đề án, đề tài, nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh thông qua các nhóm nghiên cứu và các nhà khoa học

- Hoàn thành, nghiệm thu các dự án, hợp đồng ký với các doanh nghiệp, địa phương đã hết thời gian nghiên cứu.

2.4. Các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở

- Tiếp tục thực hiện 19 đề tài, nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở giao đợt II/2017
- Tổ chức tuyển chọn và thực hiện đề tài và nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở năm 2018.
- Tiếp tục thực hiện 250 đề tài NCKH sinh viên.

2.5. Các nhiệm vụ KHCN khác

- Thành lập các nhóm nghiên cứu và các nhóm nghiên cứu mạnh; xây dựng cơ chế hoạt động cho các nhóm nghiên cứu

Tổ chức các hội đồng Tư vấn xác định danh mục, hội đồng Tư vấn xác định chủ trì đề tài các cấp năm 2019;

- Tổ chức Hội nghị khoa học (12/2018) với quy mô Hội nghị Khoa học quốc gia.
- Tổ chức Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 31 (5/2018) và biên tập, xuất bản tuyển tập các công trình NCKH sinh viên năm 2018;
- Tổ chức các đội tuyển tham dự Olympic quốc gia năm 2018 các môn Toán, Vật lý, Hóa, Cơ học;
- Tổ chức các hội thảo khoa học, hội thảo chuyên đề;
- Thực hiện các hoạt động KHCN khác.

2.6. Nhiệm vụ quản lý KHCN

- Xây dựng chiến lược KHCN của Trường đến năm 2025;
- Thành lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ của nhà trường;
- Tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu để hình thành và thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực thế mạnh của nhà trường, giải quyết đáp ứng tốt nhu cầu xã hội cần;
- Xây dựng quy trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp.

Những kết quả đã đạt được trong hoạt động KHCN năm 2017, năm thứ hai của kế hoạch 5 năm (2016-2020) là đáng khích lệ và tiếp tục khẳng định vai trò, vị thế của hoạt động KHCN trong nhiệm vụ chính trị của Nhà trường, góp phần xứng đáng vào sự phát triển của Trường. Những kết quả đạt được nêu trên xuất phát từ năng lực đội ngũ cán bộ khoa học, tinh thần đoàn kết của cán bộ viên chức và sinh viên trong toàn trường, sự quản lý và chỉ đạo sát sao của Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường. Ngoài sự nỗ lực của Trường, Nhà trường còn nhận được sự quan tâm giúp đỡ có hiệu quả của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, của các Bộ, Ngành, các cơ quan Trung ương và doanh nghiệp, địa phương trong cả nước.

Năm 2018 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm (2016-2020), nhiệm vụ KHCN của Trường là rất nặng nề, nhưng với truyền thống đoàn kết của đội ngũ cán bộ viên chức trong toàn Trường và tiềm năng chất xám của đội ngũ cán bộ khoa học của Trường, mối quan hệ tốt đẹp của Trường với nhiều địa phương, doanh nghiệp trong cả nước, tin tưởng rằng Trường Đại học Mở - Địa chất sẽ vượt qua những thách thức trong giai đoạn hiện nay, làm chủ KHCN và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018.